

Nafufill KM 103

Vữa mịn cường độ cao sử dụng để sửa chữa và làm phẳng bề mặt bê tông.

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM:

- Một thành phần, gốc Polymer biến tính.
- Thi công bằng các phương pháp truyền thống thông dụng hoặc phương pháp phun ướt.
- Giữ nước, không bị khô nhanh.
- Có thể chịu được sương muối và biến thiên nhiệt độ.
- Có thể được sử dụng làm lớp phủ nền hoặc chất trám cho lỗ rỗng, vết lõm bề mặt.
- Có thể được phủ lên với MC-Color Flair Pure/Pro và MC-Color Flex Pure/Pro/Vision sau khoảng 3 giờ.
- Đã thử nghiệm và phê duyệt theo ZTV-ING TL/TP BE PCC và DIN V 18026 với hệ thống OS 4 và OS 5a. (ZTV ING – Tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng giao thông, công trình và nhà ở của Đức).
- Phân loại R2 theo EN 1504 phần 3. (Tiêu chuẩn bảo vệ và sửa chữa bê tông của Châu Âu).
- Được chứng nhận theo EN 1504 (phần 3) cho nguyên tắc 3, quy trình 3.1 và 3.3.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG:

- Vữa mịn PCC hoàn thiện cho cấu kiện bê tông cả nội thất và ngoại thất.
- Trám các lỗ rỗng, lỗ khí và các bề mặt không bằng phẳng.

LƯU Ý THI CÔNG:

- **Chuẩn bị bề mặt:** Vui lòng tham khảo “Khuyến cáo thi công tổng quát về vữa mịn”.
- **Pha trộn:**
 - **Nafufill KM 103** được thêm vào cùng với nước khi khuấy trộn để có được hỗn hợp đồng nhất không vón cục. Sử dụng máy trộn thường hoặc máy trộn cánh đôi với tốc độ chậm. Không được trộn bằng tay, phải trộn hoàn toàn cả bao 25kg trong một lần trộn, tránh chia nhỏ từng phần để trộn. Thời gian trộn cần ít nhất 5 phút.
 - **Tỉ lệ trộn:** Vui lòng tham khảo bảng “Thông số kỹ thuật”. Một bộ **Nafufill KM 103** 25 kg cần ~ 4.25 – 4.50 L nước. Cũng như các sản phẩm xi măng khác, lượng nước thêm vào có thể thay đổi.
- **Thi công:** **Nafufill KM 103** có thể được thi công bằng các phương pháp thông dụng hoặc phương pháp phun ướt, và có thể được sử dụng cho một hoặc nhiều lớp. Nên thi công bằng bay và thiết bị chuyên dụng. Khi sử dụng máy phun vữa có thể điều chỉnh lưu lượng phun. Vui lòng liên hệ với đơn vị cung cấp máy để biết thêm chi tiết.
- **Hoàn thiện:** Sau khi thi công, bề mặt vữa **Nafufill KM 103** có thể được làm mịn và hoàn thiện bằng bông xốp khô. Trong trường hợp thi công bằng máy phun, bề mặt có thể khô nhám đặc trưng.
- **Thời gian thi công lớp tiếp theo:** Nếu hai hoặc nhiều lớp được thi công, khoảng thời gian giữa các bước công việc phải được giám sát chặt chẽ (xem bảng “Thông số kỹ thuật”).
- **Bảo dưỡng:**
 - **Nafufill KM 103** có thể được sơn phủ bằng MC-Color Flair pure/pro và **MC-Color Flex Pure/Pro/Vision** (ở 20°C) sau ba giờ hoàn thiện. Nhiệt độ cao hơn và gió có thể rút ngắn thời gian cho phép thi công lớp phủ.
 - Nếu buộc phải thi công lớp phủ vào ngày hôm sau, **Nafufill KM 103** phải được bảo quản khỏi ánh sáng mặt trời trực tiếp và gió để ngăn việc khô quá nhanh.
 - Trong trường hợp ẩm ướt (mưa, sương) ở giai đoạn đầu ninh kết, hiện tượng không đồng màu bề mặt có thể xảy ra. Trước khi bắt đầu công việc tiếp theo, toàn bộ các vật liệu dư trên bề mặt cần phải được loại bỏ.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

Đặc tính	Đơn vị	Thông số	Ghi chú
Tỷ lệ trộn	Theo khối lượng	100 : 17-18	Nafufill KM 103 : Nước
Kích thước hạt lớn nhất	mm	0.2	
Khối lượng riêng vữa tươi	kg/dm ³	2.09	
Độ bền uốn/ Độ bền nén	N/mm ²	5.0/17.0 9.0/27.0 10.1/32.8	Sau 2 ngày Sau 7 ngày Sau 28 ngày
Mô – đun đàn hồi (động)	N/mm ²	24,000	Sau 28 ngày
Mô – đun đàn hồi (tĩnh)	N/mm ²	14,500	Sau 28 ngày
Định mức (vữa khô)**	kg/m ² /mm kg/m ²	1.75 0.8 – 1.5	Lớp trám bề mặt Lớp phủ nền hoặc trám vá cho lỗ rỗng và các hốc
Thời gian thi công	Phút	60 45 30	Ở 5°C Ở 20°C Ở 30°C
Thời gian chờ thi công lớp tiếp theo	Giờ	1	
Độ dày các lớp	mm	1 3 3	Độ dày tối thiểu cho từng bước thi công Độ dày tối đa cho từng bước thi công Tổng độ dày tối đa
Thời gian chờ thi công lớp phủ	Giờ	3	MC-Color Flair pure & pro và MC-Color Flex pure, pro & vision
Điều kiện thi công	°C	5 - 30	Không khí, vật liệu và nhiệt độ bề mặt

Tất cả các giá trị kỹ thuật được xác định ở 21°C ± 2 và độ ẩm tương đối 50%.

** Định mức vật tư phụ thuộc vào mật độ, độ xốp, loại bề mặt. Để xác định định mức vật tư cụ thể của dự án, chúng tôi khuyến cáo nên đặt một khu vực mẫu để thi công được chính xác hơn.

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Màu sắc	Xám xi măng
Đóng gói	Bao 25kg
Hạn sử dụng	Có thể lưu trữ ít nhất 1 năm đối với bao bì chưa sử dụng, được bảo quản ở nơi thoáng mát và khô ráo.
Thải bỏ	Các gói nên được làm rỗng hết hoàn toàn.

Lưu ý: Thông tin trong tài liệu này dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và chính xác theo những gì chúng tôi biết. Tuy nhiên, không có sự ràng buộc. Có thể điều chỉnh cho phù hợp với các yêu cầu riêng biệt, ứng dụng cụ thể và đặc biệt là phù hợp với quy định địa phương. Dữ liệu của chúng tôi sử dụng các quy tắc kỹ thuật đã được chấp nhận, phải được tuân thủ trong quá trình áp dụng. Chúng tôi chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu này trong phạm vi tiêu chuẩn công bố và áp dụng vào điều kiện bán hàng-chuyển giao-và-cung cấp dịch vụ của chúng tôi. Các khuyến nghị của nhân viên khác với dữ liệu trong bảng thông tin của chúng tôi chỉ có giá trị ràng buộc nếu được đưa ra dưới dạng văn bản. Phải đảm bảo luôn tuân thủ các quy tắc kỹ thuật được chấp nhận nói chung.

Phát hành 01/2024. Một số thay đổi kỹ thuật đã được thực hiện đối với bản in này. Các phiên bản cũ hơn đã bị vô hiệu và không được sử dụng nữa.